CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN BẮC GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 36 /2014/CV/KSBG	
V/v: Giải trình chênh lệc số liệu 2013 trước và sau kiểm toán.	*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014*

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

- Căn cứ Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính Quý 4/2013 do Công ty lập và Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán.

Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang xin giải trình chênh lệch số liệu 2013 trước và sau kiểm toán như sau:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Trước kiểm toán	Sau Kiểm toán	Chênh lệch	Nguyên nhân
	Bảng cân đối kế toán					
1	Trả trước cho người bán	132	27,369,574,854	27,364,574,854	(5,000,000)	Điều chỉnh tăng chi phí phải trả người bán
2	Tài sản cố định hữu hình	221	107,854,670,316	107,777,217,110	(77,453,206)	Điều chỉnh tài sản cố định sang công cụ dụng cụ, phân bổ lại chi phí
3	Chi phí trả trước dài hạn	261	43,023,255	116,419,512	73,396,257	
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4,676,201,494	4,674,390,104	(1,811,390)	Điều chỉnh tăng chi phí phải trả người bán, chi phí công cụ dụng cụ
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	2,305,688,388	2,298,442,829	(7,245,559)	
6	**Tổng cộng Tài sản**	**270**	**229,782,110,582**	**229,773,053,633**	**(9,056,949)**	
7	**Tổng cộng Nguồn vốn**	**440**	**229,782,110,582**	**229,773,053,633**	**(9,056,949)**	
	Báo cáo kết quả kinh doanh					
1	Giá vốn hàng bán	11	14,738,544,406	14,742,601,355	4,056,949	Điều chỉnh tài sản cố định sang công cụ dụng cụ, phân bổ lại chi phí
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	373,354,230	369,297,281	(4,056,949)	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	617,167,922	622,167,922	5,000,000	Điều chỉnh tăng chi phí phải trả người bán
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	156,825,854	147,768,905	(9,056,949)	Điều chỉnh tăng chi phí phải trả người bán, chi phí công cụ dụng cụ
5	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	31,365,171	29,553,781	(1,811,390)	
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52	125,460,683	118,215,124	(7,245,559)	
	Lưu chuyển tiền tệ					
1	Lợi nhuận trước thuế	01	156,825,854	147,768,905	(9,056,949)	Theo quan điểm của đơn vị kiểm toán độc lập cho rằng, phải phân loại lại các chỉ tiêu trên bảng Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty, để phản ánh đúng dòng tiền của các hoạt động. Công ty nhận thấy quyết định của đơn vị kiểm toán là hợp lý nên đã thực hiện phân loại lại. Việc phân loại các chỉ tiêu này không ảnh hưởng tới số dư tiền và tương đương tiền cuối kỳ của Công ty.
2	Khấu hao TSCĐ	02	8,696,748,705	8,822,201,275	125,452,570	
3	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	03	(517,771,165)	97,733,588	615,504,753	
4	Tăng giảm khoản phải thu	09	(5,728,868,024)	(6,753,743,997)	(1,024,875,973)	
5	Tăng giảm chi phí trả trước	12	173,596,429	164,856,831	(8,739,598)	
6	Tiền lãi vay đã trả	13	(24,104,889)	(19,337,129)	4,767,760	Kiểm toán tính lại chi phí lãi vay đã trả sang tiền chi trả nợ gốc vay
7	Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3,156,334,947)	-	3,156,334,947	Theo quan điểm của đơn vị kiểm toán độc lập cho rằng, phải phân loại lại các chỉ tiêu trên bảng Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty, để phản ánh đúng dòng tiền của các hoạt động. Công ty nhận thấy quyết định của đơn vị kiểm toán là hợp lý nên đã thực hiện phân loại lại. Việc phân loại các chỉ tiêu này không ảnh hưởng tới số dư tiền và tương đương tiền cuối kỳ của Công ty.
8	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**	**20**	**(11,900,370,337)**	**(11,167,441,801)**	**732,928,536**	
9	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	138,571,429	(190,000,000)	(328,571,429)	
10	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	118,181,818	118,181,818	
11	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	517,771,165	-	(517,771,165)	
12	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**	**30**	**656,342,594**	**(71,818,182)**	**(728,160,776)**	
13	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	35,038,400,000	12,000,000,000	(23,038,400,000)	Điều chỉnh giảm phần chi trả cổ tức năm 2011 - bằng cổ phiếu.
14	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(23,038,400,000)	-	23,038,400,000	
15	Tiền vay ngắn hạn,dài hạn nhận được	33	-	3,490,000,000	3,490,000,000	Công ty ghi nhầm chỉ tiêu tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận sang chỉ tiêu tiền chi trả nợ gốc vay
16	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	1,294,721,771	(2,200,045,989)	(3,494,767,760)	
17	**Lưu chuyển tiền**	**40**	**13,294,721,771**	**13,289,954,011**	**(4,767,760)**	
18	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**	**60**	**7,052,109,610**	**7,052,109,610**	**-**	**Không có chênh lệch**
19	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**70**	**9,102,803,638**	**9,102,803,638**	**-**	**Không có chênh lệch**

Kính đề nghị Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K xác nhận giải trình trên của Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VP.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC & CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN BẮC GIANG

NGUYỄN HUY QUANG

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG – T.D.K

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG T.D.K

TỔNG GIÁM ĐỐC

Từ Quỳnh Hạnh